



17/12/21

**DAILY** MORNING

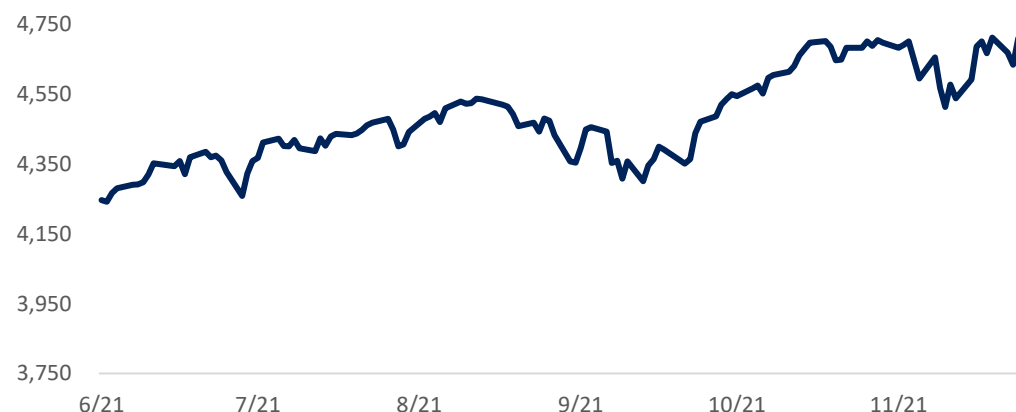
# Phiên cuối cơ cấu ETF VNM, FTSE



|                   | 17/12    | % Sáng<br>17/12 | 16/12    | % Ngày<br>16/12 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                 | 1,476.61 | 0.08%           | 0.59%  | 0.69%   |
| S&P 500           |          |                 | 4,668.67 | -0.87%          | 0.03%  | -0.30%  |
| S&P500<br>Futures | 4,667.75 | 0.18%           | 4,659.25 | -0.88%          | -0.76% | -0.47%  |
| Shanghai          |          |                 | 3,675.02 | 0.75%           | 0.05%  | 4.35%   |
| Euro Stoxx        |          |                 | 4,201.87 | 1.01%           | -0.15% | -4.54%  |

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | PTKT                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho biết mức nợ toàn cầu đã tăng 28.000 tỷ USD, lên 226.000 tỷ USD vào năm 2020, mức tăng mạnh nhất trong một năm kể từ Thế chiến thứ hai và phần lớn tập trung ở các nước giàu hơn.</li> <li>Bất đồng trong quan hệ thương mại Mỹ-Trung vẫn tiếp diễn và các công ty Trung Quốc niêm yết trên thị trường chứng khoán Phố Wall (Mỹ) có khả năng bị đưa ra khỏi thị trường này trong ba năm tới.</li> <li>Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) thông báo nâng lãi suất lần đầu tiên kể từ khi đại dịch Covid-19 ập đến, nâng lãi suất cơ bản từ 0.1% lên 0.25% giữa lúc lạm phát ngày càng tăng.</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Kháng cự 4500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hỗ trợ 4000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hỗ trợ 3300         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Điểm PTKT TRUNG LẬP |

S&P 500 6 tháng gần nhất



Nguồn: Bloomberg, BSC

Shanghai Composite Index 6 tháng gần nhất



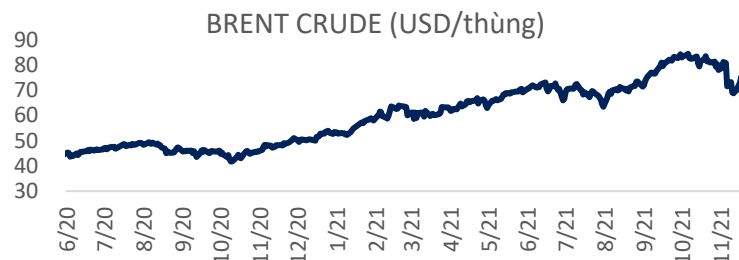
Nguồn: Bloomberg, BSC



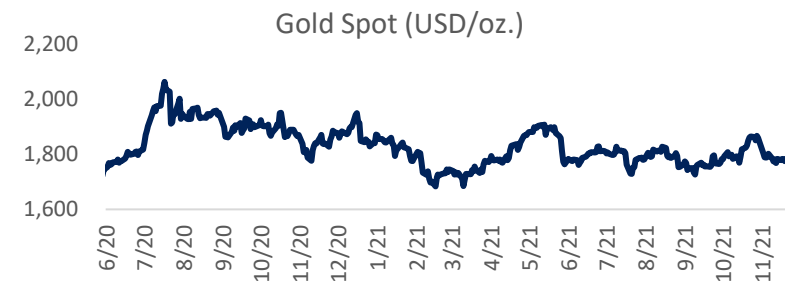
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 17/12    | % Sáng 17/12 | 16/12   | % 16/12 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|--------------|---------|---------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 72.10    | -0.39%       | 72.38   | 2.13%   | 0.60%  | -9.58%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 74.78    | -0.32%       | 75.02   | 1.54%   | -0.49% | -5.75%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| GASOLINE     | USD/gal. | 216.50   | -0.59%       | 217.78  | 2.36%   | 1.30%  | -5.61%  | HVN, VJC           | PLX, OIL           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,799.00 | -0.02%       | 1799.35 | 1.26%   | 0.91%  | -3.67%  | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 22.45    | -0.17%       | 22.49   | 1.90%   | 1.16%  | -10.49% | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USD/bu.  | 1,277.50 | -0.06%       | 1278.25 | 0.00%   | 0.26%  | 1.13%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USD/bu.  | 769.00   | -0.19%       | 770.50  | 0.00%   | -2.07% | -6.22%  | AFX                |                    |
| MILK         | USD/cwt. |          |              | 18.49   | 0.00%   | -0.59% | 7.44%   | VNM, GTN, QNS      | VNM, GTN, QNS      |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 235.00   | 0.90%        | 232.90  | 0.00%   | 2.58%  | 2.13%   | DPR, PHR, HAG, HNG | SRC, CSM, DRC      |
| SUGAR        | USD/lb.  |          |              | 19.40   | 0.57%   | -1.47% | -1.72%  | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USD/lb.  |          |              | 236.85  | -0.19%  | -1.39% | 5.27%   | VCF, CTP           | CTP, DLG           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |              | 9507.50 | 3.35%   | -0.28% | -0.56%  | MSN, ACM, BGM      | CAV, SAM, TGP, VTH |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,512.00 | 0.78%        | 4477.00 | 1.27%   | 4.76%  | 16.77%  | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |              | 2667.00 | 2.70%   | 1.54%  | 3.59%   |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 691.50   | 4.14%        | 664.00  | 1.37%   | 8.64%  | 27.82%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |              | 179.10  | 5.82%   | 13.21% | 22.46%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Dầu thô biến động sau khi Fed đưa ra triển vọng kinh tế lạc quan. Tuy nhiên, đà tăng bị hạn chế do lo lắng về virus Omicron và triển vọng dư thừa nguồn cung trong năm tới như Cơ quan Năng lượng Quốc tế chỉ ra trong báo cáo hàng tháng.



Nguồn: Bloomberg, BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC

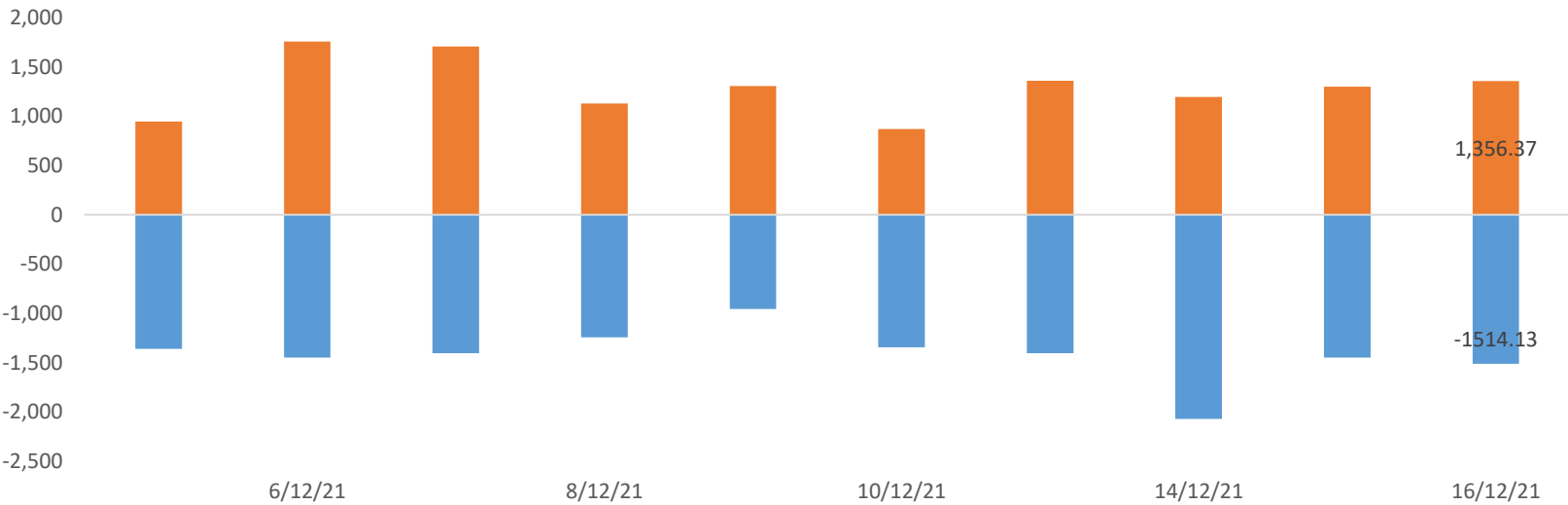
# ETF E1 và VN100 tăng nhẹ quy mô

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |     |       |       | Nhận định                                                                                                                                                                                       |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|-----|-------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W  | 1M    | 3M    |                                                                                                                                                                                                 |
| VNM        | 576.8            | 20.9            | -                  | -0.7% | 0.0                       | 0.0 | -10.4 | -13.1 | ETF E1 và VN100 tăng nhẹ quy mô. ETFs khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô. 3.5 Khối ngoại bán ròng chủ yếu trong khu vực. Họ mua ròng tại thị trường Philippines, Korea, Thailand. |
| FTSE       | 393.1            | 46.3            | -                  | -1.4% | 0.0                       | 0.0 | -5.2  | -49.0 |                                                                                                                                                                                                 |
| iShare     | 501.0            | 0.0             | -                  | 0.0%  | 0.0                       | 0.0 | 0.0   | 0.0   |                                                                                                                                                                                                 |
| E1VFN30    | 469.5            | 1.1             | 0.5                | -1.6% | 0.6                       | 6.6 | -15.3 | -10.6 |                                                                                                                                                                                                 |
| FUEVFN30   | 595.5            | 1.2             | (0.0)              | -1.2% | 0.0                       | 1.2 | 23.3  | -6.4  |                                                                                                                                                                                                 |
| FUBON FTSE | 468.2            | 0.6             | -                  | 0.5%  | 0.0                       | 0.0 | -15.5 | -46.6 |                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVFL   | 141.9            | 0.9             | 0.0                | 0.8%  | 0.0                       | 1.1 | 5.6   | 22.9  |                                                                                                                                                                                                 |
| FUESSVN30  | 4.7              | 0.8             | 0.0                | 0.0%  | 0.0                       | 0.0 | 0.3   | 0.1   |                                                                                                                                                                                                 |
| FUEMAVN30  | 30.3             | 0.8             | (0.0)              | -0.9% | 0.0                       | 0.0 | -0.2  | 2.3   |                                                                                                                                                                                                 |
| VN100      | 6.1              | 0.9             | 0.1                | -2.2% | 0.1                       | 0.1 | 0.1   | 0.6   |                                                                                                                                                                                                 |
| KIM        | 178.7            | 19.2            | -                  | 0.5%  | 0.0                       | 0.0 | -9.8  | -9.6  |                                                                                                                                                                                                 |
| PREMIA     | 30.8             | 13.3            | -                  | -0.8% | 0.0                       | 0.0 | -1.9  | 1.1   |                                                                                                                                                                                                 |

| Khối ngoại<br>(tr. USD) | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                | -4.55   | -53.04                | -137.03                |
| ASEAN4*                 | 1747.82 | 1987.06               | 1610.82                |
| Ấn Độ                   | -348.64 | -606.19               | -1029.60               |
| Đài Loan                | -55.75  | -1065.94              | 297.44                 |
| • Giá dầu               | 162.92  | 168.01                | 1870.29                |
| Nhật Bản                |         | (5,314.71)            | -5977.00               |
| Trung Quốc              |         |                       | 10945.83               |

Ghi chú: \* Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia

| Credit Default Swap | MoM %  |
|---------------------|--------|
| Việt Nam            | -0.99  |
| Thái Lan            | -13.12 |
| Singapores          | -0.99  |
| Phillippines        | -8.21  |
| Malaysia            | -18.91 |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Phiên cuối cơ cấu ETF VNM, FTSE

## Tin vĩ mô

- Danh mục mới của kỳ cơ cấu quý IV sẽ có hiệu lực từ ngày 20/12, do đó ba quỹ ETF ngoại liên quan sẽ cần hoàn thành tái cơ cấu danh mục vào ngày thứ Sáu (17/12).
- World Bank nhận định nền kinh tế Việt Nam đang cải thiện và phục hồi mạnh mẽ, ngân hàng HSBC trụ sở tại London (Anh) dự báo kinh tế Việt Nam có thể lấy lại đà tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ở mức 6,8% vào năm 2022.
- Bộ Tài chính mới đây cho biết sẽ sửa quy định tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 3 quý đầu năm không thấp hơn 75% nhằm hỗ trợ doanh nghiệp.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Hồi phục  |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1500      |
| Hỗ trợ   | 1440      |



Nguồn: Trading view, BSC

- DXS: Đã thông qua việc góp vốn 3,6 tỷ đồng thành lập CTCP Bất động sản ASE Land, tương đương tỷ lệ sở hữu 60%/vốn Công ty mới.
- DCM: Đã thông qua chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 với doanh thu hợp nhất hơn 9.059 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 513 tỷ đồng, cổ tức 5%.
- OPC: Ngày 20/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 21/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 28/12/2021.
- SDN: Ngày 21/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 22/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%, thanh toán bắt đầu từ ngày 07/1/2022.
- APS: Ghi nhận lợi nhuận trước thuế lũy kế đến 30/11/2021 đạt 520 tỷ đồng, EPS của 11 tháng 5.333 đồng /cổ phiếu, lọt vào top cao nhất trong các công ty chứng khoán. Lý giải cho sự tăng trưởng ngoạn mục này là do APS đã có kết quả thành công lớn ở mảng tự doanh khi nắm giữ hàng loạt mã cổ phiếu tăng trưởng mạnh trong thời gian vừa qua.
- TCM: Tháng 11/2021 với doanh thu đạt xấp xỉ 12,8 triệu USD, tương đương 294,4 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái và tăng hơn 10% so với tháng 10 trước đó. Về cơ cấu, sản phẩm may chiếm 76% tổng doanh thu, vải chiếm 12% và sợi chiếm 10% tổng doanh thu của TCM trong tháng 11.
- FPT: 11 tháng đầu năm với doanh thu đạt 31.800 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 5.850 tỷ đồng, tăng lần lượt 20,6% và 19,7% so với cùng kỳ năm trước, tương đương 102% và 104% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ và EPS lần lượt đạt 3.942 tỷ đồng và 4.351 đồng, tăng 19,9% và 19,3%, tương đương 104% kế hoạch.
- SGN: Công ty điều chỉnh mục tiêu doanh thu hợp nhất về 475 tỷ đồng, bằng 60% mục tiêu đặt ra đầu năm. Lợi nhuận sau thuế được điều chỉnh về 50 tỷ đồng, chỉ bằng 55% mục tiêu đặt ra đầu năm (90 tỷ đồng). Lãnh đạo công ty cho hay, việc điều chỉnh mục tiêu này xuất phát từ kết quả kinh doanh 10 tháng đầu năm.
- IPA: Dự kiến chào bán cổ phiếu ra công chúng với tỷ lệ 100%, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngoài ra, công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 20%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 20 cổ phiếu mới. [2]

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV  
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
• Giá dầu giảm mạnh do dự trữ dầu thô tại Mỹ  
Tel: +84 8 3821 8885  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>  
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu  
[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)  
(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC  
[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)  
(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

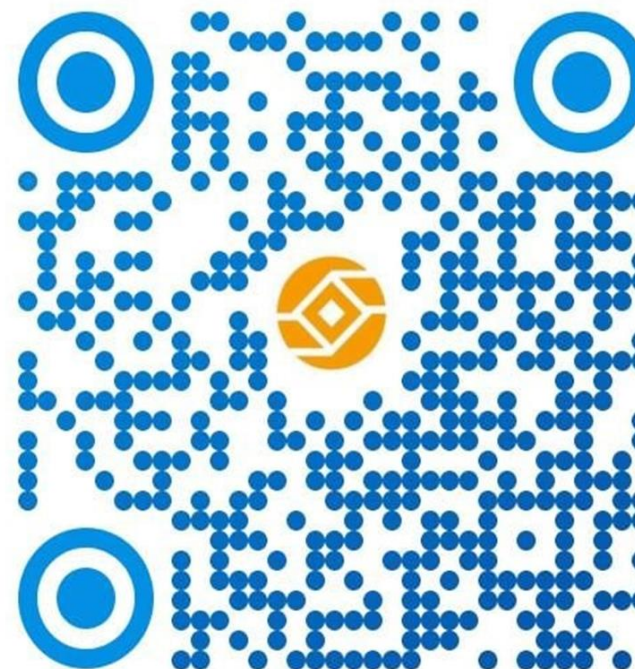
Trung tâm tư vấn i-Center  
[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)  
(+84)2437173639





### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*